

# Phiếu tính điểm nghèo đơn giản ở VN: Tài liệu nhập dữ liệu

© 2009 by Microfinance Risk Management, L.L.C.  
2441 Tracy Avenue, Kansas City, MO 64108-2935, U.S.A.  
<http://www.microfinance.com>

<http://www.microfinance.com/#Vietnam>

## **Giới thiệu**

Phiếu tính điểm nghèo đơn giản là 1 công cụ dễ sử dụng, các chương trình phát triển hỗ trợ nghèo sử dụng công cụ đó cho việc tiếp cận, kiểm soát tỷ lệ hộ nghèo tham gia chương trình và sự thay đổi tỷ lệ nghèo đói qua thời gian. Những người làm công tác thống kê về tỷ lệ nghèo đói này đến trực tiếp đến những hộ gia đình và đưa ra 10 câu hỏi đơn giản (như: Loại bếp ăn nào mà hộ gia đình có? hoặc nguồn nước nào mà hộ gia đình dùng để uống và cho sinh hoạt hàng ngày?). Nó được dùng để đánh giá xem chi tiêu của hộ gia đình có ở dưới mức nghèo hay ko. Kết quả đó được so sánh với khung điểm về tương ứng với vị trí địa lý ( hoặc các quốc gia trên cơ sở sự ngang bằng về sức mua)

## **Cơ cấu phiếu tính điểm**

Mỗi phiếu tính điểm bao gồm việc xác định thông tin ở trên và 10 câu hỏi dưới đây: Những người làm công tác thống kê xác định thông tin đầy đủ trước. Ở một vài trường hợp-như ghi số và ngày có thể được thực hiện trước. Mỗi cuộc khảo sát phải có một số lượng khảo sát nhất định. Phần còn lại của việc xác định thông tin có thể được ghi với những giá trị mặc định hoặc họ có thể điền vào từ trước. Năm mục người phỏng vấn tự định nghĩa có thể được đưa ra những giá trị mặc định, có thể được điền vào trong lúc chờ đợi hoặc hỏi khi họ tham gia. Loại dịch vụ được hỏi khi tham gia. Người được hỏi phải hoàn thành phiếu tính điểm bằng việc ghi đầy đủ thông tin vào phiếu điều tra ( tùy thuộc vào ngôn ngữ hoặc độ dài của cuộc phỏng vấn), hay phần thông tin cho việc quản lý việc điều tra ( như những chi tiết trên mẫu phiếu tính điểm và sự lựa chọn)

Dưới phần thông tin là 10 câu hỏi ngắn, tất cả các câu trả lời là những câu hỏi có tính gợi mở hoặc kết thúc, và được giới hạn ở câu trả lời có/ko hoặc câu hỏi lựa chọn.

## **Quản lý việc khảo sát**

Phiếu tính điểm được phỏng vấn trực tiếp tại các hộ gia đình. Chất lượng của số liệu là chìa khóa chính và các bước tiếp theo dưới đây giúp cho việc đảm bảo chất lượng cao của số liệu. Bước đầu tiên là chuẩn bị phiếu tính điểm trước khi phỏng vấn. Hướng dẫn người sử dụng, người chấm điểm có thể ghi đầy đủ những vùng mặc định với việc xác định thông tin của người được tham gia hỏi, không làm đan xen giữa các hộ gia đình. Nếu phiếu tính điểm thực hiện trên giấy thì người chấm điểm sẽ photo phiếu tính điểm đó và đánh số phiếu.

Bước 2 những người tiến hành điều tra sẽ tự giới thiệu và phiếu tính điểm đưa cho người được tham gia điều tra. Rất thân thiện, và bắt đầu cuộc đối thoại với việc giải thích phiếu tính điểm và tổ chức quan tâm tới sự tham gia của người được hỏi và đảm bảo độ tin cậy.

Bước 3 là quản lý phiếu tính điểm: Người tiến hành điều tra nên đọc đầy đủ và chính xác mỗi câu hỏi.

Nếu người tham gia hỏi về sự rõ ràng ( hoặc nếu không thật rõ thì người điều tra phải lựa chọn câu trả lời) người điều tra nên trả lời dựa vào sự lựa chọn tốt nhất của họ. Ví như câu hỏi hỏi hộ gia đình có sở hữu chiếc tivi nào ko và người được hỏi hỏi lại tivi hỏng có tính ko thì người điều tra phải đưa ra câu trả lời tốt nhất, hỏng hay ko đều tính là có.

Hoặc người điều tra phải lặp lại câu hỏi và đưa ra câu trả lời rõ ràng. Trong trường hợp với những câu hỏi có nhiều lựa chọn gần giống nhau thì người điều tra phải đưa ra sự lựa chọn giống nhất với sự chọn lựa của người được hỏi.

Trong mọi trường hợp người tiến hành điều tra nên khoanh tròn vào một sự lựa chọn thích hợp( chứ ko chỉ riêng một chữ) và ghi điểm trên phiếu tính điểm. Tất cả 10 câu hỏi phải được trả lời hết.

Sau khi kiểm tra lại lần 2 tất cả 10 câu hỏi, nhắc lại tất cả các câu trả lời sẽ được giữ bí mật, chào người được phỏng vấn.

Hầu hết các tổ chức muốn lựa chọn ra một số khách hàng để làm mẫu. Đơn giản nhất và chung nhất có thể làm là:

- Phỏng vấn tất cả những khách hàng tại tất cả các điểm dịch vụ.
- Phỏng vấn tất cả những khách hàng tại một số điểm dịch vụ
- Phỏng vấn ngẫu nhiên một số khách hàng tại một số điểm ngẫu nhiên.

Các cuộc phỏng vấn được thực hiện liên tục hoặc trong một khoảng thời gian ( có thể là 1 tháng). Khi chọn ngẫu nhiên 1 điểm nào đó, nên xem xét tỷ lệ số người tham gia so với tổng số người của tổ chức đó.

### **Nhập dữ liệu và quản lý dữ liệu**

Bản Excel có 3 sheets người sử dụng có thể dung:

- Nhập dữ liệu
- Định nghĩa của người sử dụng
- Các kết quả

Người sử dụng có thể thay đổi phần nhập dữ liệu và định nghĩa người sử dụng. Kết quả được hiện ra tự động từ những thông tin được nhập vào phần nhập dữ liệu và định nghĩa người sử dụng.

Người sử dụng có thể chuyển giữa các bảng bằng việc sử dụng tên bảng ở dưới hoặc thông qua bảng “điều khiển chấm điểm” ở phía trên màn hình.

Bản cơ sở dữ liệu có thể xem được bằng việc chọn “ Xem cơ sở dữ liệu” từ “ menu “ Chấm điểm mức độ nghèo”. Nếu muốn, cơ sở dữ liệu này có thể được copy hoặc ... để phân tích được chi tiết hơn.

### **Nhập dữ liệu**

Giao diện nhập dữ liệu cho phép nhập và quản lý các thẻ chấm điểm qua 4 nút:

1. Điền câu trả lời: xem xét mức độ hoàn thành và tính thống nhất của câu trả lời và ghi báo cáo vào thẻ chấm điểm trong cơ sở dữ liệu.
2. Tìm lại phiếu điều tra: hiển thị một phiếu điều tra cụ thể từ cơ sở dữ liệu để xem , sửa
3. Nút sửa dữ liệu: cho phép xoá vùng dữ liệu đang nhập thay việc lưu báo cáo trong cơ sở dữ liệu.
4. Nút xoá: Nút xoá dữ liệu thực hiện xoá một thẻ chấm điểm nhất định từ cơ sở dữ liệu.

### **Nhập dữ liệu**

Các vùng để nhận diện thông tin nằm trên cùng của phần nhập dữ liệu. Các vùng này chấp nhận thông tin nhập vào dưới cả 2 dạng bằng số hoặc bằng chữ. Bất kỳ giá trị mặc định nào cũng nên xác định định nghĩa người sử dụng. Người sử dụng phải ấn nút Enter sau khi đánh số của phiếu chấm điểm.

Ngay dưới vùng thông tin xuất hiện 10 câu hỏi của phiếu chấm điểm và phần trả lời. Các câu hỏi và câu trả lời phải phù hợp với phiếu chấm điểm trên giấy. Việc đó giúp cho quá trình nhập dữ liệu và các câu trả lời vào vùng cơ sở dữ liệu đúng thời gian thực tế.

Để nhập các câu trả lời, người nhập dữ liệu nhấn vào nút Radio bên cạnh phần lựa chọn trả lời. Tất cả 10 câu trả lời được ghi lại khi nhấn nút Submit Responses. Nếu có câu trả lời nào bị thiếu, máy sẽ xuất hiện thông báo lỗi và khi đó phiếu chấm điểm sẽ không được lưu lại trong vùng cơ sở dữ liệu. Hơn nữa để nhập thành công yêu cầu chỉ nhập duy nhất một lần số phiếu chấm điểm và câu trả lời phải khớp nhau.

### **Khôi phục, chỉnh sửa và xoá dữ liệu:**

Nhấn chuột vào nút Retrieve Survey sẽ dẫn tới phần câu hỏi để đánh số phiếu trên phiếu tính điểm hoặc lựa chọn từ một menu. Mẫu sẽ được nhập vào bảng dữ liệu với các câu trả lời và người sử dụng có thể chỉnh sửa phần trả lời hoặc phần thông tin ( bao gồm số của phiếu tính điểm).

Nếu sau khi chỉnh sửa, người sử dụng ấn vào nút Submit Responses, thì phần dữ liệu đã sửa đổi sẽ được lưu trong vùng cơ sở dữ liệu và có số phiếu trùng khớp với số phiếu trước khi sửa đổi. Nếu số phiếu chấm điểm đã tồn tại, sẽ có thông báo đến người sử dụng và hỏi để xác định thông tin.

Để xoá bản ghi từ cơ sở dữ liệu, người sử dụng ấn vào nút Delete Entry, đánh hoặc chọn số phiếu để xoá, sau đó xác nhận phần muốn xoá.

### **Định nghĩa của người sử dụng:**

Định nghĩa của người sử dụng cho phép người sử dụng xác định các giá trị mặc định cho các trường dữ liệu ở phần đầu phiếu chấm điểm bằng việc đánh vào các bảng màu vàng. Những giá trị mặc định sau đó xuất hiện trong trường dữ liệu phù hợp với bảng nhập dữ liệu.

Nhằm hỗ trợ cho việc thay đổi theo thời gian, gợi ý nên vào 4 trong 5 trường được xác định cho người sử dụng.

1. Quy mô hộ gia đình
2. Tên và chứng minh thư của người tham gia.
3. Họ tên số chứng minh thư của người tiến hành khảo sát điều tra
4. Thời gian gia nhập tổ chức.

### **Kết quả**

Kết quả thể hiện số của phiếu tính điểm trong vùng cơ sở dữ liệu, tỷ lệ hộ nghèo ước tính giữa các phiếu chấm điểm và số phiếu từ những hộ gia đình dưới mức nghèo. Kết quả

### **Cơ sở dữ liệu:**

Cơ sở dữ liệu được ẩn đi khi mở sổ làm việc, nhưng người sử dụng có thể nhìn thấy chúng bằng cách chọn Xem cơ sở dữ liệu từ bảng tính điểm hộ nghèo phía trên màn hình.

### **Chi tiết tài liệu**

#### **Dữ liệu**

Phiếu ghi điểm dựa trên Khảo sát tiêu chuẩn sống hộ gia đình tại VN năm 2006 bởi Tổng cục thống kê VN.

#### **Chuẩn nghèo:**

Chuẩn nghèo quốc gia và lương thực từ GOS được báo cáo bởi Nguyn et al., 2008.

Nguyen Khac Minh; Hoang Xuan Trung; Nguyen Duc Thanh; Tu Thuy Anh; and Dao Thang Nguyen. (2008) "The Dynamics of Poverty in Vietnam over the Period 1992–2006", MPPA Network Research Proposal, <http://www.pep-net.org/NEW-PEP/HTML/Meetings/Manila2008/papers/PMMA-11414.pdf>, accessed 27 March 2009.

Tài liệu này cũng có nguồn từ MOLISA.

Chuẩn cực nghèo của USAID là tiêu chuẩn chia những hộ gia đình dưới chuẩn nghèo quốc gia thành 2 nhóm ngang nhau.

USD1.25/ngày 2005 PPP, USD1.75 ngày 2005 PPP, và USD2.50/ngày 2005 PPP sử dụng số liệu về ngang giá sức mua 2005 và dựa vào:

Nguồn từ Sill er, Don (2006) “ Chuẩn nghèo quốc tế và quốc gia: Tổng quan”, Washington, D.C.: United States Agency for International Development, [http://www.microlinks.org/file\\_download.php/Poverty\\_lines\\_\\_\\_An\\_Overview\\_1\\_4\\_06.pdf?URL\\_ID=12247&filename=11549869641Poverty\\_lines\\_\\_\\_An\\_Overview\\_1\\_4\\_06.pdf&filetype=application%2Fpdf&filesize=108185&name=Poverty\\_lines\\_\\_\\_An\\_Overview\\_1\\_4\\_06.pdf&location=user-S/](http://www.microlinks.org/file_download.php/Poverty_lines___An_Overview_1_4_06.pdf?URL_ID=12247&filename=11549869641Poverty_lines___An_Overview_1_4_06.pdf&filetype=application%2Fpdf&filesize=108185&name=Poverty_lines___An_Overview_1_4_06.pdf&location=user-S/), accessed 27 March 2009.

Chi tiết về chuẩn nghèo có trong:

Chen, Shiyuan; and Mark Schreiner. (2009) “A Simple Poverty Scorecard for Vietnam”, [http://www.microfinance.com/English/Papers/Scoring\\_Poverty\\_Vietnam.pdf](http://www.microfinance.com/English/Papers/Scoring_Poverty_Vietnam.pdf), accessed 27 March 2009.

### **Các chỉ số:**

10 chỉ số đánh giá mức nghèo được lựa chọn dựa trên khả năng kết hợp mạnh mẽ với nghèo, như khả năng chấp nhận bởi người sử dụng (được xác định bởi sự đơn giản, chi phí, kinh nghiệm, lý thuyết và cảm nhận chung), độ nhạy cảm khi thay đổi trạng thái nghèo, sự đa dạng giữa các chỉ số. Các điểm xuất phát từ phép hồi quy Logit. Hệ số Logit được chuyển đổi từ số nguyên dương, điểm xuất phát từ 0 (dưới chuẩn nghèo nhiều nhất) đến 100 (dưới chuẩn nghèo ít nhất) Các điểm được chia thành 20 dãy (0–4, 5–9, 10–14, etc.)

**Phiếu tính điểm nghèo đơn giản cho VN (Không có điểm)**

Ngày: _____	Số phiếu.: _____	Phạm vi sử dụng 1: _____
Tổ chức: _____	Tỉnh: _____	Phạm vi sử dụng 2: _____
Điểm phân phối dịch vụ: _____	Quận: _____	Phạm vi sử dụng 3: _____
Số hiệu tổ chức, điểm phân phối: _____	Xã: _____	Phạm vi sử dụng 4: _____
Loại dịch vụ: _____	Quy mô hộ gia đình: _____	Phạm vi sử dụng 5: _____

Chỉ số	Giá trị
1. Có bao nhiêu hộ gia đình thành viên là 14 tuổi hoặc trẻ hơn	A. 3 hoặc nhiều hơn B. Hai C. Một D. Không
2. Có bao nhiêu thành viên hộ gia đình tham gia vào hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp của gia đình, trong 12 tháng qua.	A. 4 hoặc nhiều hơn B. Hai hoặc ba C. 1 hoặc không
3. Loại hình nhà ở hiện nay của hộ gia đình?	A. Không kiên cố B. Nhà bán kiên cố C. Nhà có bếp chung, phòng tắm/hay vệ sinh chung D. Biệt thự, nhà có bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh riêng
4. Loại hình nhà vệ sinh mà hộ gia đình có?	A. Không có B. Hồ xí 2 ngăn hoặc đi xuống nước C. Nhà vệ sinh dội hoặc giặt nước, có bể chứa, có ống dẫn nước thải
5. Nguồn nước ăn, uống của hộ gia đình?	A. Vòi nước công cộng, giếng đào bằng tay, được gia cố hoặc không được gia cố, được xây bao tường hoặc không, nước mưa, nước sông, suối, ao, hồ hoặc nguồn nước khác B. Vòi nước máy riêng lắp đặt bên trong, hoặc ngoài nhà, hoặc nước mua trong bình, thùng.
6. Loại thiết bị đun, nấu nào gia đình đang sử dụng?	A. Không có B. Bếp điện, nồi cơm điện, nồi áp suất ( ko phải bếp ga) C. Bếp ga
7. Hộ gia đình có xe máy không?	A. Không B. Có
8. Hộ gia đình có đầu video ko?	A. Không B. Có
9. Hộ gia đình có tủ đựng quần áo bất cứ loại nào không?	A. Không B. Có
10. Hộ gia đình có tủ lạnh không ?	A. Không B. Có

**Phiếu tính điểm nghèo đơn giản cho (Có điểm)**

Ngày: _____	Số phiếu.: _____	Phạm vi sử dụng 1: _____
Tổ chức: _____	Tỉnh: _____	Phạm vi sử dụng 2: _____
Điểm phân phối dịch vụ: _____	Quận: _____	Phạm vi sử dụng 3: _____
Số hiệu tổ chức, điểm phân phối: _____	Xã: _____	Phạm vi sử dụng 4: _____
Loại dịch vụ: _____	Quy mô hộ gia đình: _____	Phạm vi sử dụng 5: _____

Chisố	Giá trị	Điểm
1. Có bao nhiêu hộ gia đình thành viên là 14 tuổi hoặc trẻ hơn	A. 3 hoặc nhiều hơn B. Hai C. Một D. Không	0 7 16 23
2. Có bao nhiêu thành viên hộ gia đình tham gia vào hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp của gia đình, trong 12 tháng qua.	A. 4 hoặc nhiều hơn B. Hai hoặc ba C. 1 hoặc không	0 6 9
3. Loại hình nhà ở hiện nay của hộ gia đình?	A. Không kiên cố B. Nhà bán kiên cố C. Nhà có bếp chung, phòng tắm/hay vệ sinh chung D. Biệt thự, nhà có bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh riêng	0 1 2 6
4. Loại hình nhà vệ sinh mà hộ gia đình có?	A. Không có B. Hố xí 2 ngăn hoặc đi xuống nước C. Nhà vệ sinh dội hoặc giặt nước, có bể chứa, có ống dẫn nước thải	0 2 7
5. Nguồn nước ăn, uống của hộ gia đình như thế nào?	A. Vòi nước công cộng, giếng đào bằng tay, được gia cố hoặc không được gia cố, được xây bao tường hoặc không, nước mưa, nước sông, suối, ao, hồ hoặc nguồn nước khác B. Vòi nước lắp đặt riêng bên trong, hoặc ngoài nhà, hoặc nước mưa trong bình, thùng.	0 4
6. Loại thiết bị đun nấu nào gia đình đang sử dụng?	A. Không B. Bếp điện, nồi cơm điện, nồi áp suất ( ko phải bếp ga) C. Bếp ga	0 5 16
7. Hộ gia đình có xe máy không?	A. Không B. Có	0 10
8. Hộ gia đình có đầu video không?	A. Không B. Có	0 4
9. Hộ gia đình có tủ đựng quần áo bất cứ loại nào không?	A. Không B. Có	0 10
10. Hộ gia đình có tủ lạnh không ?	A. Không B. Có	0 11

**Phiếu tính điểm nghèo đơn giản ở Việt Nam:  
Xem bảng liên kết điểm số với tình trạng nghèo**

Điểm số	Tình trạng nghèo đói (%)						
	Chuẩn quốc gia	Chuẩn lương thực	Intl. 2005 PPP (USD)				MOLISA
			ChuẩnUSAID	1.25/ngày	1.75/ngày	2.50/ngày	
0-4	93.0	78.9	78.9	93.0	100.0	100.0	83.1
5-9	90.0	78.5	68.1	90.0	96.5	100.0	90.0
10-14	74.5	60.9	52.4	84.7	97.7	100.0	67.7
15-19	70.9	52.4	37.9	79.2	96.1	100.0	67.8
20-24	55.4	30.7	26.8	65.5	89.4	96.7	47.5
25-29	35.2	15.4	12.2	44.0	79.5	95.6	26.6
30-34	33.0	17.0	13.2	43.4	82.0	95.0	27.1
35-39	20.8	10.2	8.3	31.1	70.3	91.2	15.7
40-44	10.8	4.7	4.3	17.8	52.0	86.6	8.9
45-49	4.9	0.9	0.7	11.7	42.8	75.8	4.5
50-54	3.3	0.4	0.8	4.1	25.2	64.9	3.7
55-59	1.2	0.9	0.9	1.9	16.4	57.1	0.9
60-64	1.2	0.0	0.0	2.2	14.1	49.4	2.3
65-69	0.5	0.5	0.0	0.5	10.8	48.5	1.0
70-74	0.5	0.5	0.5	0.5	5.2	32.7	0.5
75-79	0.0	0.0	0.0	0.0	3.6	19.0	1.2
80-84	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5	8.1	0.0
85-89	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.2	0.0
90-94	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8	0.0
95-100	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.4	0.0